

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **856** /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày **10** tháng **6** năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2019
trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;
Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn định giá đất;
Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự toán ngân sách Nhà nước phục vụ công tác định giá đất; Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2019;
Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 147/TTr-STNMT ngày 22 tháng 5 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2019 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.



Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Đắk Nông; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *mm*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, CTTĐT, KTN(Tha).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trương Thanh Tùng

KẾ HOẠCH

Định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2019

(Ban hành kèm theo Quyết định số 856 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh Đắk Nông)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Xác định giá đất cụ thể để làm căn cứ:

- Tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện các dự án đầu tư theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013;

- Xác định giá khởi điểm để bán đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất cho cả thời gian thuê;

- Các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 4 Điều 114, khoản 2 Điều 172 và khoản 3 Điều 189 Luật Đất đai năm 2013 mà thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong bảng giá đất) trên 10 tỷ đồng.

b) Chủ động trong việc tổ chức thực hiện, bảo đảm kịp thời, đáp ứng tiến độ của các dự án và làm cơ sở để bố trí nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước cho việc tổ chức thực hiện định giá đất cụ thể.

2. Yêu cầu

Việc xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất phải được thực hiện khách quan, công bằng, kịp thời, công khai và đúng theo quy định của pháp luật, bảo đảm nguyên tắc và phương pháp định giá đất theo quy định tại Điều 112 Luật Đất đai năm 2013. Việc lựa chọn đơn vị tư vấn định giá đất phải có đủ năng lực, đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật Đất đai.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Một số dự án cần định giá đất cụ thể trong năm 2019 trên địa bàn tỉnh là 142 dự án (bao gồm: bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; các Dự án xác định giá khởi điểm để bán đấu giá quyền sử dụng đất khi nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất cho cả thời gian thuê và Dự án quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 4 Điều 114, khoản 2 Điều 172 và khoản 3 Điều 189 Luật Đất đai năm 2013 mà thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong bảng giá đất) trên 10 tỷ đồng).

Việc xác định giá đất cụ thể thực hiện theo các phương pháp: so sánh trực tiếp, chiết trừ, thu nhập, thặng dư để xác định giá đất chi tiết đến từng thửa đất. Đối với các dự án có các thửa đất liền kề nhau, có cùng mục đích sử dụng, khả năng sinh lợi và thu nhập từ việc sử dụng đất tương tự nhau thì giá đất cụ thể được xác định theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Điều 3 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

2. Dự kiến các dự án phải thuê tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất cụ thể: 142 dự án. Trong đó:

- Các dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất là 128 dự án.

- Các dự án xác định giá khởi điểm để bán đấu giá quyền sử dụng đất khi nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất cho cả thời gian thuê và Dự án quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 4 Điều 114, khoản 2 Điều 172 và khoản 3 Điều 189 của Luật Đất đai năm 2013 mà thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong bảng giá đất) trên 10 tỷ đồng khoảng 14 dự án.

3. Tiến độ thời gian định giá đất cụ thể:

3.1. Các dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất:

- Quý I gồm 17 dự án/8 huyện, thị xã.
 - Quý II gồm 62 dự án/8 huyện, thị xã.
 - Quý III gồm 26 dự án/8 huyện, thị xã.
 - Quý IV gồm 23 dự án/8 huyện, thị xã.
- Tổng cộng: **128** dự án/8 huyện, thị xã.

- UBND các huyện, thị xã tiếp tục được thực hiện vào năm 2019 đối với những dự án, công trình UBND các huyện, thị xã Gia Nghĩa đã đăng ký thực hiện năm 2018 (tại Quyết định số 507/QĐ-UBND ngày 11/4/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông) nhưng chưa thực hiện.

3.2. Các dự án xác định giá khởi điểm để bán đấu giá quyền sử dụng đất khi nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất cho cả thời gian thuê và Dự án quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 4 Điều 114, khoản 2 Điều 172 và khoản 3 Điều 189 của Luật Đất đai năm 2013 mà thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong bảng giá đất) trên 10 tỷ đồng: Thực hiện trong năm 2019: **14** dự án/8 huyện, thị xã.

(Có biểu chi tiết các dự án kèm theo)

4. Kinh phí thực hiện định giá đất cụ thể

a) Thực hiện theo Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT ngày 27/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự toán ngân sách Nhà nước phục vụ công tác định giá đất; Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán,

sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

b) Nguồn kinh phí thực hiện:

- Bố trí từ nguồn kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (quy định tại điểm c khoản 1, Điều 4 Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính).

- Kinh phí để thực hiện xác định giá khởi điểm để bán đấu giá quyền sử dụng đất khi nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất cho cả thời gian thuê; Các trường hợp quy định tại Điều 172 và Điều 189 Luật Đất đai năm 2013 mà thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong bảng giá đất) trên 10 tỷ đồng, được bố trí từ ngân sách Nhà nước (theo quy định tại khoản 4, Điều 21 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ).

c) Ước tính kinh phí trung bình xác định giá đất cụ thể đối với các dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất khoảng 24.608.000 đồng/dự án (*Hai mươi bốn triệu sáu trăm linh tám nghìn đồng*).

Tổng kinh phí định giá đất cụ thể của 128 dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất là: 128 dự án x 24.608.000 đồng/dự án = 3.150.000.000 đồng (*Ba tỷ một trăm năm mươi triệu đồng*).

5. Kế hoạch và kinh phí thực hiện định giá đất cụ thể:

5.1. Các dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất:

- Thời gian định giá đất cụ thể của các dự án: Được thực hiện sau khi ban hành Thông báo thu hồi đất của cấp có thẩm quyền.

- Kinh phí thực hiện định giá đất cụ thể:

+ Quý I: 418.336.000 đồng/17 dự án.

+ Quý II: 1.525.696.000 đồng/62 dự án.

+ Quý III: 639.808.000 đồng/26 dự án.

+ Quý IV: 565.984.000 đồng/23 dự án.

5.2. Các dự án xác định giá khởi điểm để bán đấu giá quyền sử dụng đất khi nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất cho cả thời gian thuê và Dự án quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 4 Điều 114, khoản 2 Điều 172 và khoản 3 Điều 189 Luật Đất đai năm 2013 mà thửa đất hoặc khu đất có giá trị (*tính theo giá đất trong bảng giá đất*) trên 10 tỷ đồng:

- Thời gian định giá đất cụ thể của các dự án: Được thực hiện sau khi có Quyết định phê duyệt phương án định giá hoặc Văn bản chấp thuận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định phê duyệt danh mục đầu tư hoặc Quyết định giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền.

- Thực hiện trong năm 2019: 14 dự án/8 huyện, thị xã.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Tổ chức thực hiện thẩm tra việc xác định giá đất cụ thể đối với các dự án theo Kế hoạch này;

- Kiểm tra, đánh giá kết quả việc xác định giá đất cụ thể và phương án giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất;

- Trình Hội đồng thẩm định giá đất của tỉnh thẩm định hồ sơ, phương án giá đất cụ thể; hoàn thiện phương án giá đất trình UBND tỉnh quyết định.

- Tổng hợp bổ sung vào kế hoạch các công trình, dự án cấp bách khi được Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận, trình UBND tỉnh quyết định.

- Tổ chức thực hiện định giá đất cụ thể hoặc lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất theo quy định;

- Lưu trữ toàn bộ kết quả định giá đất, thống kê, tổng hợp và báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về kết quả định giá đất cụ thể năm 2019 tại địa phương trước ngày 15/01/2020.

2. Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh

Sở Tài chính là cơ quan Thường trực có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ phương án giá đất cụ thể; tổ chức họp Hội đồng để thẩm định phương án giá đất, ban hành Văn bản thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất.

3. UBND các huyện, thị xã

- Chuẩn bị hồ sơ các thửa đất cần định giá, hồ sơ gồm: Quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án; thông báo thu hồi đất; sơ đồ khu đất cần định giá (khu đất thực hiện dự án; xác định vị trí, diện tích, loại đất và thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá; các thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng chi tiết đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các quy định khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng của thửa đất cần định giá.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, đơn vị tư vấn xác định giá đất thực hiện định giá đất cụ thể đối với các dự án trên địa bàn theo quy định của Luật Đất đai.

- Chỉ đạo Phòng Tài chính – Kế hoạch thẩm định dự toán định giá đất cụ thể theo khối lượng thực tế của từng dự án để làm căn cứ thanh toán cho tư vấn định giá đất (đối với các dự án do UBND các huyện, thị xã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư).

4. Tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

- Tổ chức thực hiện định giá đất cụ thể hoặc lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất theo quy định.

5. Chủ đầu tư thực hiện dự án

- Chuẩn bị và đảm bảo kinh phí để tổ chức thực hiện xác định giá đất cụ thể;

- Chuẩn bị các hồ sơ thửa đất cần định giá, hồ sơ gồm: Quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án; thông báo thu hồi đất; sơ đồ khu đất cần định giá (khu đất thực hiện dự án); xác định vị trí, diện tích, loại đất và thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá; các thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng chi tiết đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các quy định khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng của thửa đất cần định giá.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, nếu có khó khăn, vướng mắc, yêu cầu UBND các huyện, thị xã, đơn vị tư vấn giá đất phản ánh kịp thời về UBND tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để xem xét, chỉ đạo. / *mr*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trương Thanh Tùng

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẦN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG NĂM 2019**

(Kèm theo Quyết định số 86 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng (triệu đồng)
A	CÁC DỰ ÁN ĐỊNH GIÁ ĐẤT QUÝ I			
I	Thị xã Gia Nghĩa		2,45	77.294
1	Dự án kết nối các trục đường đô thị số 4, thị xã Gia Nghĩa	Các phường: Nghĩa Tân, Nghĩa Phú	55	72.144
2	Đường từ thôn Nghĩa Tín, xã Quảng Thành đi phường Nghĩa Đức	phường Nghĩa Đức	2,25	4.800
3	Mương thoát nước các cửa xả tại km1+540 và km1 +711 đường Tôn Đức Thắng, thị xã Gia Nghĩa	phường Nghĩa Thành	0,20	350
II	Huyện Đắk Mil		41,00	48.000
1	Nâng cấp các trục đường giao thông chính TT Đắk Mil	Thị trấn Đắk Mil	2	2.000
2	Hệ thống kênh mương, giao thông nội đồng	xã Thuận An	1,00	1.000
3	Quảng trường huyện	xã Đắk Lao	1,00	5.000
4	Thủy điện Đắk Sôr 2	xã Long Sơn	37,00	40.000
III	Huyện Đắk Song		45,00	44.000
1	Đường giao thông thôn Đắk Lư đi thôn Bùng Bình	xã Năm N'Jang	1.00	600
2	Cầu suối cát	xã Năm N'Jang	0.2	200
3	Nâng cấp mở rộng đường Quốc lộ 14 đến cửa khẩu Bu Prăng (đoạn từ km3-km17 của TL 686 và đoạn từ trung tâm huyện Tuy Đức đến giáp cầu Đắk Huýt)	xã Năm N'Jang và xã Đắk N'Drung	43,00	43.000
4	Nâng cấp hồ suối đá	xã Đắk N'Drung	2,00	200
IV	Huyện Cư Jút		13,07	19.500
1	Mở rộng đường giao thông Trúc Sơn đi Knia	xã Trúc Sơn	3,07	3.000
2	Đường giao thông kết nối khu vực xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông với huyện Buôn Đôn tỉnh Đắk Lắk	xã Ea Pô	10,00	2.000

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng (triệu đồng)
3	Dự án khu dân cư tập trung tổ dân phố 3, thị trấn Ea T'ling	Thị trấn Ea T'ling	11,65	14.500
V	Huyện Đắk Glong		39,70	29.500
1	Mở rộng trường mẫu giáo Hoa Hồng	xã Quảng Khê	0,15	500
2	Khu công nghiệp ứng dụng công nghệ cao	xã Quảng Khê	11,70	11.000
3	Các trục đường khu trung tâm hành chính	xã Quảng Khê	28,00	18.000
B	CÁC DỰ ÁN ĐỊNH GIÁ ĐẤT QUÝ II			
I	Thị xã Gia Nghĩa		110,59	207.470
1	Đường giao thông từ quốc lộ 28 vào khu du lịch sinh thái, kết hợp công viên vui chơi giải trí Liêng Nung	xã Đắk Nĩa	0,50	400
2	Khu đô thị đường Quang Trung tổ dân phố 2, phường Nghĩa Tân	phường Nghĩa Tân	2,95	1.770
3	Đường bờ hồ trung tâm và khu tái định cư	phường Nghĩa Thành	17,00	45.300
4	Đường bờ Đông hồ trung tâm	phường Nghĩa Đức	34	43.000
5	Đường dẫn và cầu kết nối giữa sân vận động tỉnh và đường Bắc Nam giai đoạn 2, thị xã Gia nghĩa	phường Nghĩa Trung và phường Nghĩa Tân	0,70	1.500
6	Khu đô thị tổ 03, phường Nghĩa Phú	phường Nghĩa Phú	47,77	90.000
7	Mở rộng trường tiểu học Bế Văn Đàn	xã Đắk R'Moan, thị xã Gia Nghĩa	1,30	1.500
8	Nâng cấp cải tạo đường Chu Văn An, thị xã Gia Nghĩa	phường Nghĩa Thành	0,53	12.000
9	Phân lô tái định cư đường Bắc Nam giai đoạn 2	phường Nghĩa Trung	0,84	2.000
10	Dự án trạm biến áp 110kv Gia Nghĩa và nhánh rẽ; đường dây điện trung và hạ áp; đường trung áp trạm biến thế	Thị xã Gia Nghĩa	5,00	10.000
II	Huyện Đắk Mil		12,30	12.000
1	Đường DH 11 Quốc lộ 14 đi Krông Nô	xã Đắk Gản	2,00	2.000
2	Đường DH 14 Quốc lộ 14 đi Tinh lộ 2	xã Đức Mạnh	1,00	1.000
3	Trụ sở Viện kiểm soát nhân dân huyện	xã Thuận An	2,00	2.000
4	Nghĩa trang Đắk N'Drot	xã Đắk N'Drot	2,00	1.000
5	Đường giao thông từ tỉnh lộ 2 qua trung tâm UBND xã Đắk Sắk, huyện Đắk Mil	xã Đắk Sắk	2,80	2.000

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng (triệu đồng)
6	Đường Bon Sapa đi Quốc lộ 14	xã Thuận An	1,80	1.000
7	Nâng cấp đường Hoàng Diệu	Thị trấn Đắk Mil	0,50	1.000
8	Dự án chống quá tải lưới điện khu vực huyện Đắk Mil	Trên địa bàn huyện	0,20	2.000
III	Huyện Đắk Song		3,4	3.140
1	Nâng cấp hồ thôn 7	xã Đắk N'Drung	1,50	1.200
2	Nâng cấp hồ thôn R'lon	Thị trấn Đức An	0,54	540
3	Xây dựng trạm biến áp thôn 2,3,5,6,7,8 bản Đầm Giỏ	xã Thuận Hà	1,40	1.400
IV	Huyện Krông Nô		115,80	69.550
1	Đường giao thông nội bộ (đường N5, N6)	Thị trấn Đắk Mâm	1,50	3.800
2	Chỉnh trang khu dân cư đô thị	Thị trấn Đắk Mâm	3,00	3.000
3	Chỉnh trang khu dân cư nông thôn	xã Nam Xuân	1,50	600
4	Hồ chứa nước Nam Xuân	xã Nam Xuân, Đắk Sôr, thị trấn Đắk Mâm	90,00	45.000
5	Hoa viên trung tâm Krông Nô	Thị trấn Đắk Mâm	0,30	450
6	Nhà văn hóa xã	xã Đắk Drô	0,20	200
7	Sân vận động xã	xã Đắk Drô	1,60	1.500
8	Chỉnh trang khu dân cư nông thôn	xã Đắk Drô	1,50	500
9	Thủy điện Đắk Sôr 2	xã Nam Xuân	9,40	10.000
10	Đường tránh thao trường và đường tái định canh cho các hộ dân bị giải tỏa xây dựng thao trường tổng hợp lực lượng vũ trang tỉnh	xã Đức Xuyên	6,80	4.500
V	Huyện Cư Jút		19,00	29.400
1	Nghĩa địa xã Trúc Sơn	xã Trúc Sơn	3,00	2.000
2	Trung tâm văn hóa thể thao	thị trấn Ea T'ling	2,00	2.400
3	Khu nhà ở xã hội tại tổ dân phố 3, thị trấn Ea T'ling	thị trấn Ea T'ling	17,00	25.000
VI	Huyện Đắk Glong		382,18	124.340
1	Tái định cư xen ghép	xã Đắk Som	5,00	1.500
2	Trụ sở công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Chi nhánh Đắk Glong	xã Quảng Khê	0,03	300

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng (triệu đồng)
3	Tái định cư	xã Đăk Plao	300,00	90.000
4	Hồ chứa nước Đăk N'Ting	xã Quảng Sơn	75,90	32.000
5	Nâng cấp các công trình thủy lợi phòng chống hạn hán trên địa bàn tỉnh Đăk Nông (Dự án Hồ Trảng Ba; hồ Trường học; hồ Chum Ia; Hồ Đăk Hlang; Hồ Dạ Hang Lang)	xã Đăk Ha; xã Quảng Khê; xã Đăk Som	1,25	540
VII	Huyện Đăk R'lấp		663,04	606.522
1	Dự án bãi xử lý chất thải rắn	xã Quảng Tín	16	13.000
2	Dự án đường nội thị trấn Kiến Đức	Huyện Đăk R'lấp	2	2.000
3	Dự án khu dân cư trong thị trấn Kiến Đức	Thị trấn Kiến Đức	2	2.000
4	Đường Đạo Nghĩa- Quảng Khê	Thị trấn Kiến Đức, xã Kiến Thành, xã Nghĩa Thắng	5	5.000
5	Dự án đập hồ thải bùn sau tuyển rửa quặng số 2, phục vụ nhà máy alumil Nhân Cơ	Các xã trên địa bàn huyện	200	160.000
6	Dự án đường giao thông từ Thị trấn Kiến Đức đi liên xã Kiến Thành, Nhân Đạo, Nhân Cơ	Các xã: Kiến Thành, Nhân Đạo, Nhân Cơ	15	15.000
7	Hồ Sa Đa Cô	xã Quảng Tín	1,64	822
8	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ Bauxit Nhân Cơ- Đăk Nông	Các xã trên địa bàn huyện	288,7	250.000
9	Công trình nâng cao trình đập hồ chứa bùn sau tuyển rửa giai đoạn 2, thuộc dự án Alumil Nhân Cơ	xã Nghĩa Thắng	7	7.000
10	Thu hồi bổ sung các trường hợp hộ dân đề nghị thu hồi thêm, thuộc dự án khai thác mỏ Bauxit Nhân Cơ- Đăk Nông (do diện tích nhỏ không đủ điều kiện, không có nước tưới, không có đường giao thông...)	Các xã trên địa bàn huyện	63	81.000
11	Hạng mục thu hồi xử lý sạt lở và trồng cây xanh, công trình hồ thải bùn do thuộc dự án Alumil Nhân Cơ	xã Nhân Cơ, xã Nhân Đạo	21	18.000
12	Dự án hạ tầng kỹ thuật, khu dân cư Lake View Newtown Kiến Đức tại khu dân cư số 3, thị trấn Kiến Đức, huyện Đăk R'lấp	Thị trấn Kiến Đức	15,6	30.000

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng (triệu đồng)
13	Dự án đầu tư nâng cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc Gia	Trên địa bàn huyện	1	1.500
14	Dự án thủy điện Đắk Keh	xã Hưng Bình	21	17.000
15	Dự án TBA 110kv Đắk R'lấp 2 và đấu nối	Các xã trên địa bàn huyện	1	1.000
16	Dự án giảm cường độ phát thải trong cung cấp năng lượng điện tỉnh Đắk Nông	Các xã trên địa bàn huyện	1	1.000
17	Dự án cải tạo và phát triển trung áp, hạ áp	Các xã trên địa bàn huyện	0,3	400
18	Dự án TBA 110kv Gia Nghĩa và đấu nối	Các xã trên địa bàn huyện	0,5	500
19	Dự án đầu tư nâng cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc Gia	Trên địa bàn huyện	1	1.000
20	Dự án chống quá tải lưới điện khu vực huyện Đắk R'lấp	Trên địa bàn huyện	0,3	300
VIII	Huyện Tuy Đức		16,78	13.237
1	Đường vào Đắk Ngo	xã Quảng Tâm- Đắk	10	7.000
2	Mở rộng đường tỉnh lộ 681	xã Quảng Trực	6,3	6.000
3	Hồ Đắk Bliêng	xã Đắk Búk So	0,48	237
C	CÁC DỰ ÁN ĐỊNH GIÁ ĐẤT QUÝ III			
I	Thị xã Gia Nghĩa		22,74	70.000
1	Khu số 1 dọc đường Bắc Nam giai đoạn 2	phường Nghĩa Trung	17,74	40.000
2	Trường cao đẳng cộng đồng (quy mô mở rộng quy hoạch)	phường Nghĩa Trung	5,00	30.000
II	Huyện Đắk Mil		225,30	25.740
1	Hồ thủy lợi Đắk Klo Ou	xã Đắk Lao	16,50	20.000
2	Hồ Đắk R'la	xã Đắk N'Drot	0,60	301
3	Hồ nông trường Thuận An	xã Thuận An	2,50	1.000
4	Hồ Đắk Loou (Đắk Klou)	xã Đắk Lao	1,20	600
5	Hồ đập ông Hiên	xã Đức Minh	2,00	800
6	Hồ đập ông Truyền	xã Đức Minh	200,00	800
7	Hồ Đắk Ken	xã Đắk Lao	0,50	239

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng (triệu đồng)
8	Hồ tổ 7	xã Thuận An	2,00	2.000
III	Huyện Đắk Song		2,9	3.110
1	Mở mới đất nghĩa địa, nghĩa trang	xã Nam Bình	1,84	1.840
2	Hội trường thôn 10	xã Nam Bình	0,01	100
3	Xây dựng nhà văn hóa thôn Thuận Thành	xã Thuận Hạnh	0,17	170
4	Dự án cấp điện nông thôn giai đoạn 2015-2012 (diện tích chiếm đất vĩnh viễn + diện tích chiếm đất hành lang tuyến)	xã Thuận Hà	0,86	1.000
IV	Huyện Krông Nô		3,78	2.600
1	Đường dây 110kv và trạm biến áp 110/220kv Krông Nô	Thị trấn Đắk Mâm, các xã: Đắk Sôr, Nam Đà; Đắk Drô	1,18	400
2	Trung tâm xã Đức Xuyên	xã Đức Xuyên	2,6	2.200
V	Huyện Cư Jut		0,30	300
1	Dự án chống quá tải lưới điện khu vực huyện Cư Jut	Toàn huyện	0,3	300
VI	Huyện Đắk Glong		5,93	2.215
1	Hồ Bi Zê Rê	xã Đắk Som	0,78	390
2	Hồ Nao Ma A	xã Quảng Khê	0,54	270
3	Hồ Km 41	xã Quảng Sơn	0,47	236
4	Hồ Ba Trong	xã Quảng Sơn	0,82	411
5	Hồ thôn 3	xã Quảng Khê	0,66	329
6	Hồ Đắk Ha	xã Đắk Ha	0,60	301
7	Hồ Đắk Snao 1	xã Quảng Sơn	0,56	278
8	Nâng cấp cơ sở hạ tầng du lịch	xã Đắk Som	1,50	
VI	Huyện Tuy Đức		101,5	100.000
1	Nâng cấp mở rộng đường Quốc lộ 14 đến cửa khẩu Bu Prăng (đoạn từ km3-km17 của tỉnh lộ 686 và đoạn từ trung tâm huyện Tuy Đức đến giáp cầu Đắk Huýt)	Các xã: Đắk Buk so, Quảng Trực	101,5	100.000

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng (triệu đồng)
D	CÁC DỰ ÁN ĐỊNH GIÁ ĐẤT QUÝ IV			
I	Thị xã Gia Nghĩa		186,57	368.000
1	Khu đô thị mới số 02, phường Nghĩa Trung	phường Nghĩa Trung	87,62	140.000
2	Khu đô thị mới số 06, khu vực Sùng Đức	phường Nghĩa Tân	25,47	60.000
3	Khu đô thị mới số 05, phường Nghĩa Phú	phường Nghĩa Phú	19,08	40.000
4	Chợ và khu dân cư Sùng Đức, phường Nghĩa Tân	phường Nghĩa Tân	7,1	28.000
5	Khu đô thị mới số 3- phường Nghĩa Trung	phường Nghĩa Trung	47,30	100.000
II	Huyện Đắk Song		1,7	1.300
1	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Thuận Tân	xã Thuận Hạnh	0,1	100
2	TBA 110KV Tuy Đức và Đẩu nối	xã Đắk N'Drưng	0,5	100
3	Mở mới tuyến đường thôn 6, bản Đầm Giò đi thôn 6, xã Nam Bình	xã Thuận Hà	1,1	1.100
III	Huyện Krông Nô		9,20	7.160
1	Mở rộng trường mầm non Hoa Ban	xã Năm N'đir	0,2	200
2	Chợ xã	Nam Xuân	0,5	2.000
3	Cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp trung tâm huyện lỵ, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Đắk Nông	Các xã: Nam Đà, Nam Xuân, Đắk Sôr, Đắk Drô, Năm Nung	0,25	300,00
4	Nâng cấp các công trình thủy lợi phòng chống hạn hán (Dự án trạm bơm Buôn Choah 2, 5 Trạm bơm Đắk Rền 1A, 2, 3, 4, 5)	Trên địa bàn huyện	7,25	4.460
5	Sân vận động xã	xã Quảng Phú	1,5	200
IV	Huyện Đắk Glong		1,55	840
1	Công trình chống quá tải lưới điện khu vực huyện Đắk Glong	Trên địa bàn huyện	0,30	300
2	Nâng cấp các công trình thủy lợi phòng chống hạn hán (Dự án Hồ Trảng Ba; hồ Trường học; hồ Chum Ia; Hồ Đắk Hlang; Hồ Dạ Hang Lang)	Trên địa bàn huyện	1,25	540
V	Huyện Tuy Đức		553,82	271.331
1	Quy hoạch cấp đất sản xuất bổ sung cho các hộ dân thuộc dự án 1541	xã Đắk Ngo	30	531
2	Dự án quy hoạch ổn định dân cư biên giới xã Quảng Trực (mở rộng)-giai đoạn 2	xã Quảng Trực	20	14.000

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng (triệu đồng)
3	Dự án ổn định dân cư biên giới xã Quảng Trục- giai đoạn 2	xã Quảng Trục	458,41	31.000
4	Trụ sở làm việc HĐND-UBND xã Đăk R'Tih	xã Đăk R'Tih	1,6	10.000
5	Đường nối từ Quốc lộ 14c đi trung tâm huyện Tuy Đức	xã Đăk Búk So	2,4	15.000
6	Dự án di dân phát triển kinh tế xã hội khu vực biên giới huyện Tuy Đức	xã Quảng Trục	40,45	200.000
7	TBA 110KV Tuy Đức và Đầu nối	xã Đăk Búk So	0,66	500
8	Dự án chống quá tải lưới điện tại khu vực huyện Tuy Đức	Trên địa bàn huyện	0,30	300

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẦN XÁC ĐỊNH GIÁ KHỞI ĐIỂM ĐỀ BÁN ĐẤU GIÁ
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2019**

(Kèm theo Quyết định số 876 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu định giá đất cụ thể của địa phương theo từng dự án (tạm tính)
I	Huyện Đắk Mil		3,04
1	Bán đấu giá quyền sử dụng đất HTX Mạnh Thắng	xã Đức Mạnh	0,08
2	Bán đấu giá quyền sử dụng đất khu vực Quảng trường huyện	Thị trấn Đắk Mil	0,2
3	Khu đất phía sau trường Trần Hưng Đạo	Thị trấn Đắk Mil	0,19
4	Bán đấu giá quyền sử dụng đất hoa viên và khu dân cư TDP 13	Thị trấn Đắk Mil	1,67
5	Bán đấu giá quyền sử dụng đất hoa viên và khu dân cư TDP 5	Thị trấn Đắk Mil	0,90
II	Huyện Cư Jút		2,75
1	Khu dân cư tập trung chợ xã Đắk Drông	xã Đắk Drông	1,5
2	Bệnh viện Cư Jút cũ	Thị trấn Ea Tlinh	0,82
3	Nhà văn hóa Cư Jút cũ	Thị trấn Ea Tlinh	0,24
4	Trụ sở UBND xã Nam Dong	xã Nam Dong	0,19
III	Huyện Đắk Glong		53
1	Khu 30 ha tiểu khu 1685 xã Quảng Sơn	xã Quảng Sơn	30
2	Khu 23 ha	xã Quảng Khê	23
3	Thửa 45 và 46 tờ bản đồ độc lập xã Quảng Sơn	xã Quảng Sơn	
4	Khu định cư cán bộ, công chức, viên chức huyện Đắk Glong	xã Quảng Khê	
5	Khu đất đấu giá Trung tâm thương mại huyện Đắk Glong	xã Quảng Khê	